

Bán án số: 21/2018/HNGĐ - ST

Ngày 26-3-2018

“Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Đặng Hữu Tấn

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Hương X, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 139, tổ 4, khóm A, đường L, thành phố C, tỉnh An Giang.

(Bà X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lâm Chí C, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: 24A2, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Thị Hương X trình bày:

Về hôn nhân: Bà X và ông C quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L ngày 23/8/2006, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm cũng như về tình cảm vợ chồng, ông C không có trách nhiệm với gia đình, bà X đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông C không thay đổi nên bà X cùng các con về nhà cha mẹ đẻ của bà X sinh sống. Bà X nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà X và ông C có 03 con chung tên: Lâm Bội Q, sinh ngày 27/6/2005; Lâm Chí B sinh ngày 09/6/2010 và Lâm Chí H sinh ngày 22/9/2012. Hiện 03 con chung do bà X chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn ông Lâm Chí C vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

* Ngày 04/12/2017, Tòa án tiến hành lấy lời khai các con chung của ông C và bà X.

Cháu Lâm Bội Q và cháu Lâm Chí B trình bày: Cha của các cháu tên Lâm Chí C, mẹ tên Lý Thị Hương X. Nguyên nhân để bà X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là do ông C thường uống rượu về kiếm chuyện và dùng vũ lực đối với bà X nên cả nhà không còn sống chung với nhau, các cháu đang sống cùng bà X. Các cháu yêu cầu được sống với bà X sau khi cha mẹ ly hôn.

* Ngày 24/11/2017 và ngày 09/3/2018, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nuôi con chung của bà X, ông C được chính quyền địa phương xác nhận qua cung cấp thông tin của bà Lâm Thị Như T (em gái ông C): Quan hệ hôn nhân giữa ông C, bà X có xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bà X đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống khoảng vài tháng nay, ông C biết bà X gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông C không muốn ly hôn, sợ con cái sẽ khổ, ông C vẫn còn thương vợ con.

Tại phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn Lý Thị Hương X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt gửi Tòa án ngày 12/12/2017.

* Bị đơn Lâm Chí C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: bà X yêu cầu ly hôn nhưng ông C không có ý kiến đối với yêu cầu của bà X, cho thấy ông C không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với bà X. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà X và ông C đã đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà X là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: có 03 con chung tên Lâm Bội Q, sinh ngày 27/6/2005; Lâm Chí B sinh ngày 09/6/2010 và Lâm Chí H sinh ngày 22/9/2012, hiện bà X đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cần ổn định về mặt tinh thần, ổn định quyền lợi về mọi mặt của 03 cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao 03 con chung cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung: Bà X yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 3.000.000đ là cao hơn so với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh tương ứng mức $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản theo quy định của Nhà nước.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Lý Thị Hương X và ông Lâm Chí C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lâm Chí C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường M, thành phố L nên bà Lý Thị Hương X khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Lý Thị Hương X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án ngày 12/12/2017, do đi làm xa không thể tham dự phiên tòa. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Bị đơn ông Lâm Chí C vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và lần thứ hai tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông C vẫn vắng mặt, không lý do. Ngoài ra, tại phiếu xác minh tình trạng cư trú ngày 24/11/2017 được Công an phường M, thành phố L xác nhận ông C thường trú tại số 24A2, đường L, khóm A, phường M, thành phố L, An Giang. Hiện đang sinh sống tại địa phương.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Lý Thị Hương X và ông Lâm Chí C.

[2] Về hôn nhân: Bà X, ông C tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà X cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân từ sự bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông trong đời sống vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông C không có ý kiến phản đối, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh và đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ngoài ra, tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của bà X, ông C được bà Lâm Thị Như T cung cấp có sự chứng kiến của chính quyền địa phương vào ngày 05/01/2018 xác định: ông C và bà X có mâu thuẫn trong hôn nhân, do cả hai tính tình không hợp, cả hai không còn sống chung với nhau, bà X và các con đã đi về nhà mẹ ruột sinh sống. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện cả hai ly thân nên hôn nhân không tồn tại, vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà X và ông C có 03 con chung tên Lâm Bội Q, sinh ngày 27/6/2005; Lâm Chí B sinh ngày 09/6/2010 và Lâm Chí H sinh ngày

22/9/2012. Nguyên vọng của các con chung yêu cầu sống với bà X khi cha mẹ ly hôn được Tòa án ghi nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2017. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần cũng như đảm bảo cho việc học hành cho con chung nên cần ổn định cho bà X được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà Xuân và gia đình bà X phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông C được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Xét thấy, mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người giám hộ của người được cấp dưỡng thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà X yêu cầu cấp dưỡng nhưng ông C không có ý kiến phản đối nên không thuộc trường hợp có tranh chấp về mức cấp dưỡng và yêu cầu của bà X là phù hợp với nhu cầu thiết yếu đảm bảo cuộc sống của người được cấp dưỡng. Hội đồng xét xử không điều chỉnh mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, chấp nhận yêu cầu bà X, buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lập nuôi sống bản thân. Việc cấp dưỡng không cố định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét không xem xét, giải quyết, do nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, nợ chung và bị đơn cũng không có ý kiến phản đối.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lý Thị Hương X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Ông Lâm Chí C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà X, ông C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử vắng mặt bà Lý Thị Hương X, ông Lâm Chí C.

*** Xử :**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Hương X.

Bà Lý Thị Hương X được ly hôn với ông Lâm Chí C.

[2] Về con chung: Bà X được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung tên Lâm Bội Q, sinh ngày 27/6/2005; Lâm Chí B sinh ngày 09/6/2010 và Lâm Chí H sinh ngày 22/9/2012. Việc nuôi con không cố định.

Bà X và gia đình bà X phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông C được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng tự lập nuôi sống bản thân. Việc cấp dưỡng không cố định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Lý Thị Hương X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L theo biên lai thu số 0018631 ngày 04/10/2017. Bà X đã thực hiện xong.

Ông Lâm Chí C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà X, ông C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

\